

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **145/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/5/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy A

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc S;
2. Bà Trần Thị O.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai T – Cán bộ tòa
án.

Ngày 18/5/2020 Tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2020/TLST- HNGĐ ngày
09/3/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Minh H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Căn hộ W30709, Khu W, đường P, phường M, quận Nam Từ
Liêm, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

Bị đơn: Anh Trần Chí H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 24, ngõ 267 đường H, phường C, quận Nam Từ Liêm, thành
phố Hà Nội. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên
đơn là chị Ngô Minh H** trình bày:

Chị Ngô Minh H và anh Trần Chí H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày
31/10/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu D, huyện Từ Liêm (nay là phường
Cầu D, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện,
có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị H, anh H chung sống cùng nhau tại: Số
nhà 24, ngõ 267 đường H, phường Cầu D, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà
Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm tới ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh H.

- Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là: Cháu Trần Khánh L, sinh năm 24/7/2007 và cháu Trần Chí D, sinh ngày 04/8/2013. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu L và cháu D. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H cho biết: Hiện chị có nhà riêng, sinh sống ổn định tại: Căn hộ W30709, Khu W, đường P, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chị đang làm việc tại Trung tâm Đào tạo và Nâng cao Năng lực Phụ nữ - trực thuộc Học viện P Việt Nam, chức vụ: Giám đốc trung tâm. Mức lương thu nhập trung bình là: 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Vợ chồng tự thỏa thuận và chị Hiền không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ và chị Hiền không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2020, bị đơn là anh Trần Chí H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Ngô Minh H kết hôn ngày 31/10/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu D, huyện Từ Liêm (nay là phường Cầu D, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh H và chị H chung sống cùng nhau tại: Số nhà 24, ngõ 267 đường H, phường Cầu D, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm tới ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là: Cháu Trần Khánh L, sinh năm 24/7/2007 và cháu Trần Chí D, sinh ngày 04/8/2013. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu L và

cháu D, anh H đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả hai con chung, mức cấp dưỡng là 5.000.000 (Năm triệu đồng)/tháng.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh chị tự thỏa thuận, anh H không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ: Anh chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với việc chị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thì anh H đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên, vì lý do công việc anh H thường xuyên phải đi công tác nên không có thời gian lên làm việc tại Tòa án. Vì vậy, anh H đề nghị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm cho phép anh H được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án, anh H xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Chị Ngô Minh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Trần Chí H.

- Về con chung: Chị H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Khánh L và cháu Chí D. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Vợ chồng tự thỏa thuận và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Chí H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm: Căn cứ Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm có công văn về việc từ chối tham gia phiên tòa đối với vụ án trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện giữa Nguyên đơn là chị Ngô Minh H với bị đơn là anh Trần Chí H có địa chỉ cư trú tại: Số 24, ngõ 267 đường H, phường Cầu D, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập anh Trần Chí H tham gia phiên hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt và có Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn là anh Trần Chí H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Chí H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Minh H và anh Trần Chí H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 31/10/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu D, huyện Từ Liêm (nay là phường Cầu D, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân của chị H và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Chị Ngô Minh H cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ khoảng năm 2013, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không ai còn quan tâm tới ai.

Anh Trần Chí H cũng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị Hiền làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn đối với anh H.

Về con chung: Chị Ngô Minh H và anh Trần Chí H có 02 con chung là: Cháu Trần Khánh L, sinh năm 24/7/2007 và cháu Trần Chí D, sinh ngày 04/8/2013. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu L và cháu D. Tại Đơn trình bày nguyện vọng của con, cháu Trần Khánh L trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ là Ngô Minh H. Anh H đồng ý giao cả hai con chung là cháu L và cháu D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị H cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận mức lương của chị, thu nhập trung bình là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng)/tháng. Xét thấy chị H có nơi ăn ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu L và cháu D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L, cháu H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H được quyền được đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả hai con chung, mức cấp dưỡng là 5.000.000 (Năm triệu đồng)/tháng. Xét thấy sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh H phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Chị H, anh H xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Ngô Minh H phải chịu phí án ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Chí H phải chịu án phí dân sự đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Minh H và anh Trần Chí H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 200, Điều 207, Điều 271, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ngô Minh H. Chị Ngô Minh H được ly hôn với anh Trần Chí H.

2. Về con chung: Chị Ngô Minh H và anh Trần Chí H có 02 con chung là: Cháu Trần Khánh L, sinh năm 24/7/2007 và cháu Trần Chí D, sinh ngày 04/8/2013. Giao cháu Trần Khánh L và cháu Trần Chí D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L, cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L, cháu D 5.000.000 (Năm triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu L, cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Ngô Minh H và anh Trần Chí H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Ngô Minh H và anh Trần Chí H xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Ngô Minh H phải chịu 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hiền đã nộp theo biên lai số 0009187 ngày 05/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh Trần Chí H phải chịu 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND Quận Nam Từ Liêm;
- THA DS Quận Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND phường Cầu D, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;
- Lưu HS+ VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thúy A

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA